

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 798/UBND-VP

Hương Hoá, ngày 17 tháng 7 năm 2020

V/v tham mưu thực hiện công tác
phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3100/UBND-NN ngày 10/7/2020 về việc thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống sạt lở bờ sông bờ biển (sao gửi kèm); Ủy ban nhân dân huyện giao:

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương nghiêm cứu, tham mưu thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản nêu trên.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện Đề án công tác phòng, chống sạt lở bờ sông phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Yêu cầu các đơn vị, đại phương triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Lê Quang Thuận;
- Các PVP, CV_A;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3100** /UBND-NN
V/v thực hiện Quyết định của
Thủ tướng Chính phủ về phòng,
chống sạt lở bờ sông bờ biển

Quảng Trị, ngày **10** tháng **7** năm 2020

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 06/7/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 957/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông bờ biển đến năm 2030 (nội dung Quyết định xem tại Cổng thông tin điện tử của Chính phủ); UBND tỉnh có ý kiến như sau:

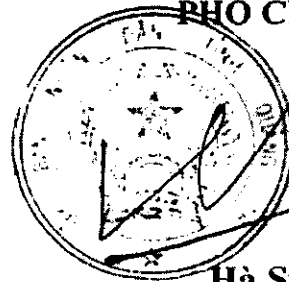
1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện công tác phòng, chống sạt lở bờ sông bờ biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 theo nội dung Đề án nêu trên.

2. Giao các đơn vị, địa phương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai thực hiện các nội dung của Đề án phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH TC



Hà Sỹ Đông

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 957/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

UBND TỈNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN ĐẾN NĂM 2030

ĐỀ	Số: 157/KQ
	Ngày: 6/7
	Chuyên: M.T
	Số và ký hiệu HS: Căn cứ Luật

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án), với nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển (bao gồm bờ sông, suối, kênh, rạch và bờ biển) nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, công trình phòng chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, ổn định dân sinh là nhiệm vụ của các cấp, ngành, đặc biệt là của chính quyền địa phương, là trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân.

b) Phải chủ động phòng ngừa sạt lở; khi xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương, đặc biệt là xây dựng các khu đô thị, dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển phải đề phòng nguy cơ sạt lở và không làm tăng nguy cơ sạt lở. Khi xảy ra sạt lở phải tập trung ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả giảm thiểu thiệt hại.

c) Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển cần được thực hiện đồng bộ; xử lý cấp bách trước mắt, đồng thời có giải pháp căn cơ lâu dài; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, không làm tăng nguy cơ sạt lở, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển và tạo sinh kế cho người dân.

d) Phòng, chống sạt lở phải được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng quan trọng, chống suy thoái rừng phòng hộ ven biển tại những khu vực xói lở nghiêm trọng không thể phục hồi.

d) Đề cao sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý bờ, lòng sông, vùng ven biển; tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hưởng lợi trong phòng, chống sạt lở.

e) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, ưu tiên ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường, dễ thi công, có thể sử dụng nhiều lần, giá thành phù hợp, kết hợp với giải pháp truyền thống. Đây mạnh hợp tác quốc tế, quản lý hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu các yếu tố tác động gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung: Chủ động quản lý, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven sông, ven biển, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Điều tra, đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển. Phân đầu đến năm 2023 cơ bản hoàn thành bản đồ về hiện trạng sạt lở, công trình phòng chống sạt lở vùng đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung; đến năm 2025, hoàn thành đối với các vùng khác.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát sạt lở và quản lý bờ sông, lòng sông, bờ biển, giảm thiểu tác động làm gia tăng nguy cơ sạt lở; phân đầu đến năm 2023 các khu dân cư ven sông, ven biển ở vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đều được cảnh báo kịp thời và được hướng dẫn kỹ năng ứng phó khi xảy ra sạt lở.

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà cửa tại khu vực ven sông, ven biển. Chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển, phân đầu đến năm 2030 hoàn thành 90% việc di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

- Phân đầu đến năm 2025, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều (nhất là các tuyến đê đã được phân cấp), cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông, ven biển; đến năm 2030, hoàn thành việc chỉnh trị ổn định dòng chảy tại một số phân lưu, hợp lưu, trên các đoạn sông chính, khu vực cửa sông, ven biển có diễn biến xói, bồi phức tạp cần chỉnh trị.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về phòng, chống sạt lở nhằm giảm nguy cơ sạt lở, rủi ro do sạt lở.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động ven sông, ven biển ảnh hưởng đến sạt lở (khai thác cát sỏi, xây dựng công trình, nhà cửa, hoạt động giao thông thủy, hoạt động khai thác nước ngầm).

- Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, kịp thời cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực để phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Tăng cường hợp tác quốc tế.

- Xây dựng công trình tại các khu vực trọng điểm để phòng, chống sạt lở, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và công trình hạ tầng thiết yếu.

2. Giải pháp

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện quy định pháp luật để tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, ven biển (nhất là quản lý khai thác cát sỏi, xây dựng công trình, nhà cửa ven sông) và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sạt lở, bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại tài sản của nhân dân và nhà nước.

- Rà soát các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, biển và các pháp luật khác có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện xây dựng cơ chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực ngoài ngân sách, khuyến khích khối tư nhân đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng ngập mặn ven biển.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở gắn với sinh kế, ổn định đời sống của người dân.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Tổ chức điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết kế quy hoạch

- Điều tra cơ bản về sạt lở, dân cư và công trình hạ tầng ven sông, ven biển trên cơ sở đó xây dựng cơ sở dữ liệu về sạt lở, dân cư và công trình phòng, chống sạt lở, trong đó ưu tiên thực hiện tại những khu vực đang có diễn biến sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở trên các hệ thống sông chính.

- Điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát, thực trạng khai thác cát, sỏi và các yếu tố thủy, hải văn có tác động đến sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Nghiên cứu xây dựng phương án tổng thể chỉnh trị và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là đối với các sông chính thuộc hệ thống sông Cửu Long, sông Hồng - sông Thái Bình để cập nhật vào quy hoạch phòng chống thiên tai, thủy lợi, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách trước mắt, giải pháp căn cơ lâu dài, các công trình, phi công trình để phòng, chống sạt lở

- Giải pháp cấp bách:

+ Tổ chức cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác cát, sỏi trên sông và vùng ven biển, khắc phục tình trạng mất cân bằng bùn cát để hạn chế nguy cơ sạt lở; ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác cát sỏi trái phép.

+ Tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực bờ sông, bờ biển bị sạt lở, bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông, ven biển và rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt là rừng ngập mặn bảo vệ trực tiếp đê biển.

+ Kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển tránh bị ảnh hưởng do sạt lở và làm gia tăng nguy cơ sạt lở.

+ Quản lý, kiểm soát hoạt động của phương tiện giao thông đường thủy (tốc độ phương tiện, trọng tải phù hợp) nhằm giảm thiểu tác động gây sạt lở, nhất là trên các tuyến kênh, rạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Giải pháp lâu dài

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

+ Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, chủ động di dời các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở, trước hết là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.

+ Xây dựng hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở, lòng dẫn.

+ Xây dựng các công trình chỉnh trị sông nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, hình thái sông, bờ sông, bờ biển tại các khu vực trọng điểm, vùng cửa sông, ven biển có diễn biến bồi, xói phức tạp.

+ Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Triển khai thực hiện các dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ, nhất là rừng ngập mặn ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long, trồng cây chắn sóng để phòng chống sạt lở; đẩy mạnh xã hội hoá công tác đầu tư, quản lý, khai thác phù hợp gắn với trách nhiệm trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển.

d) Khoa học công nghệ: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phòng, chống sạt lở:

- Nghiên cứu vật liệu mới thay thế cát sử dụng trong xây dựng, đề xuất các giải pháp thay thế cát san lấp, tiến tới không sử dụng cát để san lấp.

- Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước ngầm, suy giảm bùn cát đến sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

- Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy, bùn cát, sụt lún đất đến sạt lở bờ sông, bờ biển trên các hệ thống sông chính.

d) Hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chia sẻ thông tin dữ liệu, kinh nghiệm trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các quốc gia, các tổ chức quốc tế đối với công tác phòng, chống sạt lở.

e) Huy động nguồn lực: Chủ động bố trí ngân sách nhà nước, đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn lực từ khối tư nhân, doanh nghiệp và người dân được hưởng lợi cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương); quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1. Ngân sách Trung ương được phân bổ theo quy định của pháp luật đề:

a) Thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ liên quan, bao gồm:

- Rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách.

- Điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, nghiên cứu quy hoạch và xây dựng phương án tổng thể chính trị và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển để cập nhật vào quy hoạch phòng chống thiên tai, thủy lợi, quy hoạch vùng.

- Thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Xây dựng các công trình có tính chất kỹ thuật phức tạp để chính trị sông, ổn định cửa sông, vùng ven biển.

b) Hỗ trợ địa phương theo quy định của pháp luật để khắc phục sự cố sạt lở cấp bách, đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở quan trọng vượt quá khả năng của ngân sách địa phương.

2. Ngân sách địa phương và quỹ phòng, chống thiên tai để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống sạt lở thuộc trách nhiệm của địa phương và đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt lở nhằm bảo vệ công trình, tài sản của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở theo cơ chế, chính sách huy động vốn ngoài ngân sách của cấp có thẩm quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Điều phối chung, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Đề án, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng dân cư, sạt lở, công trình phòng, chống sạt lở và công trình hạ tầng ven sông, ven biển, nhất là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở.

- Chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện việc quan trắc, giám sát sạt lở, nhất là tại các khu vực đang có diễn biến sạt lở phức tạp và khu vực có nguy cơ sạt lở cao (xây dựng hệ thống quan trắc, tổ chức quan trắc, giám sát) để đánh giá mức độ sạt lở và có giải pháp xử lý phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả, tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, ven biển và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sạt lở; hoàn thiện chính sách, pháp luật về lâm nghiệp để tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phòng, chống sạt lở, bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho phòng, chống sạt lở, hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hướng dẫn địa phương thực hiện các giải pháp công nghệ để phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức nghiên cứu xây dựng phương án tổng thể chinh trị và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là đối với các sông liên tỉnh, khu vực bờ biển có diễn biến sạt lở phức tạp để cập nhật vào quy hoạch phòng chống thiên tai, thủy lợi, quy hoạch vùng theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển có tính chất kỹ thuật phức tạp thuộc trách nhiệm của Bộ để đưa vào các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn, đồng thời lồng ghép vào các chương trình, dự án khác.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương rà soát chính sách, pháp luật liên quan đến đất đai, biển để đề xuất sửa đổi, bổ sung tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ và khôi phục rừng ngập mặn; tổ chức điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát, thực trạng khai thác cát, sỏi và các yếu tố thủy, hải văn có tác động đến sạt lở bờ sông, bờ biển; hướng dẫn kiểm soát các hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông, giảm thiểu nguy cơ sạt lở.

3. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo rà soát các công trình hạ tầng giao thông trên sông, ven sông, ven biển, có biện pháp bảo đảm an toàn và giảm tác động gây sạt lở; tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng mới công trình giao thông,

nao vét luồng lạch và hoạt động của các phương tiện giao thông đường thủy nội địa tránh làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển.

4. Bộ Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn để chủ động phòng, chống sạt lở, giảm thiểu nguy cơ bị ảnh hưởng do bờ sông, bờ biển; nghiên cứu vật liệu mới thay thế nhằm giảm sử dụng cát trong xây dựng và san lấp.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát cơ chế chính sách, tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan khoa học tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới để phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, tập trung vào các giải pháp mềm, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính bố trí và hướng dẫn các địa phương cân đối, bố trí vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm (bao gồm vốn trong nước, vốn nước ngoài) cho công tác quy hoạch và thực hiện các công trình, dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, di dời dân cư ra khỏi khu vực bị sạt lở và có nguy cơ sạt lở cao theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

7. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện Đề án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngoài các nội dung thuộc nhiệm vụ thường xuyên của bộ, ngành, nguồn vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác); bố trí nguồn lực để kịp thời hỗ trợ khắc phục khẩn cấp sự cố sạt lở, di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi khu vực sạt lở theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phòng, chống thiên tai.

8. Các Bộ, ngành khác theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các địa phương chỉ đạo, triển khai phòng, chống sạt lở đối với lĩnh vực quản lý để giảm thiểu tác động gây sạt lở bờ sông, bờ biển và suy giảm rừng ngập mặn ven biển.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động chỉ đạo xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực từ vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả quỹ phòng, chống thiên tai, nguồn vốn xã hội hóa) để triển khai thực hiện công tác phòng, chống sạt lở trên địa bàn theo các nội dung của Đề án, tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xây dựng cơ chế chính sách cụ thể của địa phương nhằm khuyến khích, hỗ trợ công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và thu hút nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tổ chức và người dân về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát và tổ chức quan trắc, giám sát, nghiên cứu và cảnh báo các khu vực có nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở trên địa bàn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiểm soát hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, khu vực ven biển, ngăn chặn khai thác cát sỏi trái phép, nhất là tại các khu vực đã được cảnh báo có nguy cơ sạt lở; quản lý chặt chẽ vùng đất ven sông, ven biển không để xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển làm tăng nguy cơ sạt lở, bị rủi ro do sạt lở. Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, đẩy mạnh xã hội hoá công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, gắn với ổn định sinh kế cho người dân.

- Di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm; từng bước sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân.

- Tổ chức nghiên cứu phương án chỉnh trị, phòng, chống sạt lở đối với các tuyến sông, vùng bờ biển trên địa bàn làm cơ sở cập nhật vào quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trong đó: tập trung xử lý khẩn cấp các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm; xây dựng công trình chỉnh trị sông nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, hình thái sông, bờ sông, bờ biển tại các khu vực trọng điểm, vùng cửa sông, ven biển có diễn biến bồi, xói phức tạp; xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở.

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển.

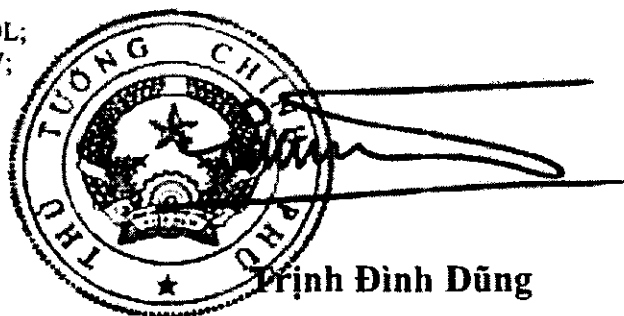
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, TNMT, KHĐT, TC, XD, GTVT, KHCN, QP, CA, CT, TTTT, NG, VHTTDL;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ: TH, QHĐP, KTTH, CN;
- Lưu: VT, NN (3) Tuyền.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng